



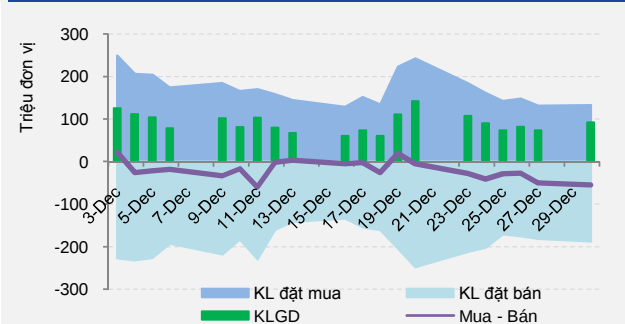
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 30/12/2013

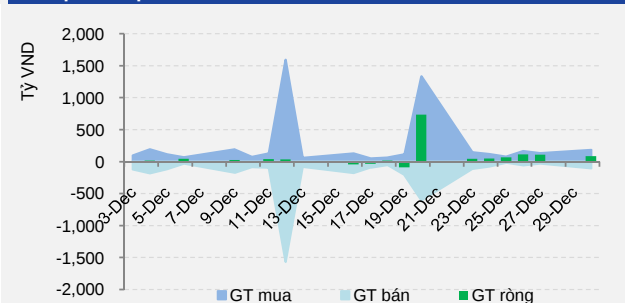
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	500.4	67.0
% Thay đổi	↓ -1.2%	↓ -1.4%
KLGD (CP)	92,187,030	59,884,997
GTGD (tỷ đồng)	1,427.69	486.55
Tổng cung (CP)	187,586,070	95,926,900
Tổng cầu (CP)	133,033,410	73,555,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,944,290	655,731
KL mua (CP)	5,141,560	1,855,408
GTmua (tỷ đồng)	182.96	50.66
GT bán (tỷ đồng)	98.70	10.66
GT ròng (tỷ đồng)	84.25	39.99

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.30%	7.1	1.6	1.8%
Công nghiệp	↓ -2.16%	244.7	1.1	23.4%
Dầu khí	↓ -1.62%	7.7	1.5	4.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.07%	14.2	1.9	2.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.48%	8.8	2.9	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.97%	12.2	4.9	9.6%
Ngân hàng	↓ -1.01%	10.5	1.2	5.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.57%	10.3	2.0	6.6%
Tài chính	↓ -2.06%	16.9	2.3	40.2%
Tiền ích Cộng đồng	↓ -0.72%	9.1	3.3	5.6%
VN - Index	↓ -1.20%	12.6	2.9	75.7%
HNX - Index	↓ -1.44%	17.1	1.6	24.3%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,384,440	1.5%	3,061,760	3.3%
GTGD (tỷ VND)	23,327	1.5%	199,421	12.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm khá với thanh khoản tăng so với phiên trước. Mức độ giảm giá tăng dần về cuối phiên, khối lượng khớp chủ động vào dư mua khi quan điểm thận trọng thời điểm cuối năm - thời điểm các tổ chức đầu tư, công ty chứng khoán tổng kết sổ sách - đang phổ biến. Với phiên giảm mạnh hôm nay, chỉ số VN-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ 23.6% của đường Fibonacci Retracement của xu hướng tăng từ tháng 9, đồng thời giảm qua đường biên dưới của kênh tăng giá hẹp từ giữa tháng 10. Mức độ giảm điểm mạnh hơn với thanh khoản tăng trong xu hướng tích lũy, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm phần lớn cho tín hiệu kém tích cực về kỹ thuật. Thị trường có thể tiếp tục giảm điểm trong phiên giao dịch ngày mai, khi tâm lý thận trọng thời điểm cuối năm của nhà đầu tư còn phổ biến. Tuy nhiên với việc chỉ số Index đã giảm sát đường biên dưới của dải Bollinger Bands, có thể kỳ vọng mức độ giảm điểm không nhiều.

Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm khá mạnh với thanh khoản tăng so với phiên trước. Với phiên giảm điểm này, chỉ số HNX-Index đã giảm sát mốc hỗ trợ của đường MA20 và đang tiến gần đường biên dưới của kênh tăng giá kéo dài từ nửa cuối tháng 9, tương đương khoảng 66.5 điểm. Thị trường dự báo sẽ có phản ứng khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật trong phiên giao dịch tới. Về quan điểm trung dài hạn, chỉ số HNX-Index vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì đánh giá về khả năng thị trường dao động tích lũy trong khoảng 500-513 điểm trong ngắn hạn. Do vậy nhà đầu tư hiện tại nên tránh bán tháo cổ phiếu bằng mọi giá khi thị trường đã giảm sát đường biên dưới của kênh dao động. Đối với quan điểm trung dài hạn, nhà đầu tư xem xét tận dụng giai đoạn thị trường điều chỉnh để tiếp tục tích lũy cổ phiếu cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index giảm 6.06 điểm (1.2%), xuống 500.35 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- HNX-Index giảm 0.98 điểm (1.44%), xuống 66.95 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 66.69 điểm.

- Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói hỗ trợ nhà ở trị giá 30 nghìn tỷ đồng, NHNN cho biết sẽ 1/ nâng thời hạn vay vốn ưu đãi lên 15 năm hoặc hơn; 2/ nghiên cứu giảm lãi suất xuống dưới 6%/năm; 3/ giảm vốn đối ứng của người dân xuống 10%, thay vì 20% như trước. Những dự án nhà ở thương mại dở dang sẽ được cho vay để hoàn thiện nhằm cung ứng nguồn căn hộ phù hợp với gói 30.000 tỉ đồng. Mặt khác, sẽ cho phép người dân được dùng căn hộ hình thành trong tương lai làm tài sản đảm bảo.

- Tính đến ngày 27/12, dư nợ tín dụng toàn hệ thống Ngân hàng đã đạt trên 11% và khả năng cuối năm nay sẽ đạt mục tiêu 12% như kế hoạch đề ra ban đầu. Trong năm 2014, NHNN cơ bản giữ mức lãi suất ổn định như năm 2013, trong trường hợp có điều kiện sẽ tiếp tục giảm, trong đó lãi suất cho vay đối với 5 lĩnh vực ưu tiên sẽ có mức trần hỗ trợ phù hợp hơn. Trong năm 2014, NHNN sẽ vẫn áp dụng hạn mức tín dụng đối với các Ngân hàng.

- NHNN dự kiến sẽ xem xét lại một số quy định trong Thông tư 02, nhằm từng bước tiếp cận chuẩn mực quốc tế nhưng không gây thêm khó khăn cho ngân hàng và doanh nghiệp. Dự kiến tháng 1/2014, NHNN sẽ chốt lại vấn đề này bằng văn bản cụ thể để TCTD và doanh nghiệp vay vốn chủ động chuẩn bị thực hiện.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

- VN-Index giảm 6.06 điểm (1.2%), xuống 500.35 điểm, mức thấp nhất trong phiên.

- KLGD tăng 20% so với phiên trước, lên 84 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 giảm xuống mức 41 điểm, động lực thị trường tiếp tục giảm. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index ghi nhận phiên giảm điểm khá với thanh khoản tăng so với phiên trước. Mức độ giảm giá tăng dần về cuối phiên, khối lượng khớp chủ động vào dư mua khi quan điểm thận trọng thời điểm cuối năm - thời điểm các tổ chức đầu tư, công ty chứng khoán tổng kết sổ sách - đang phổ biến.

Với phiên giảm mạnh hôm nay, chỉ số VN-Index đã giảm qua mốc hỗ trợ 23.6% của đường Fibonacci Retracement của xu hướng tăng từ tháng 9, đồng thời giảm qua đường biên dưới của kênh tăng giá hẹp từ giữa tháng 10. Mức độ giảm điểm mạnh hơn với thanh khoản tăng trong xu hướng tích lũy, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm phần lớn cho tín hiệu kém tích cực về kỹ thuật. Thị trường có thể tiếp tục giảm điểm trong phiên giao dịch ngày mai, khi tâm lý thận trọng thời điểm cuối năm của nhà đầu tư còn phổ biến. Tuy nhiên với việc chỉ số Index đã giảm sát đường biên dưới của dải Bollinger Bands, có thể kỳ vọng mức độ giảm điểm không nhiều.

Chúng tôi duy trì đánh giá về khả năng thị trường dao động tích lũy trong khoảng 500-513 điểm trong ngắn hạn. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.98 điểm (1.44%), xuống 66.95 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 66.69 điểm.

- KLGD tăng 14% so với phiên trước, lên 57 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 56 điểm, dưới mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày đã cắt xuống dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm khá mạnh với thanh khoản tăng so với phiên trước. Với phiên giảm điểm này, chỉ số HNX-Index đã giảm sát mốc hỗ trợ của đường MA20 và đang tiến gần đường biên dưới của kênh tăng giá kéo dài từ nửa cuối tháng 9, tương đương khoảng 66.5 điểm.

Thị trường dự báo sẽ có phản ứng khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật trong phiên giao dịch tới. Về quan điểm trung dài hạn, chỉ số HNX-Index vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng điểm.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Tăng

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

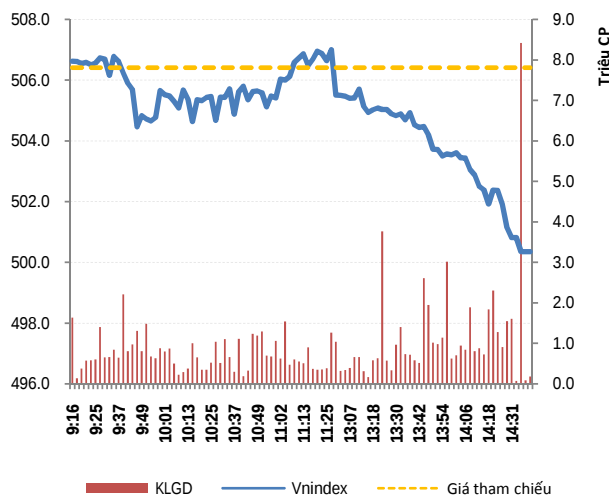
STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

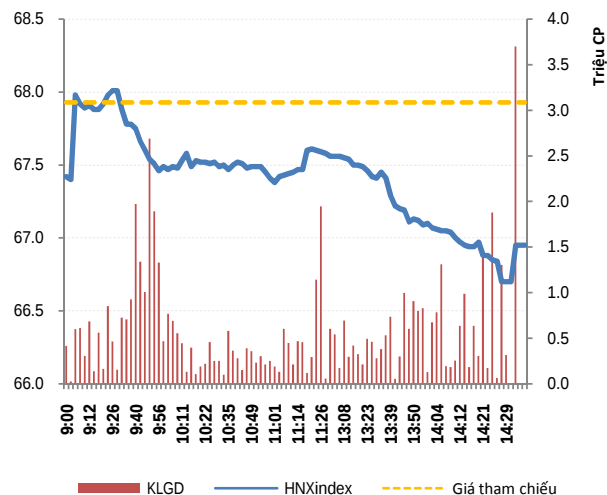
Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất

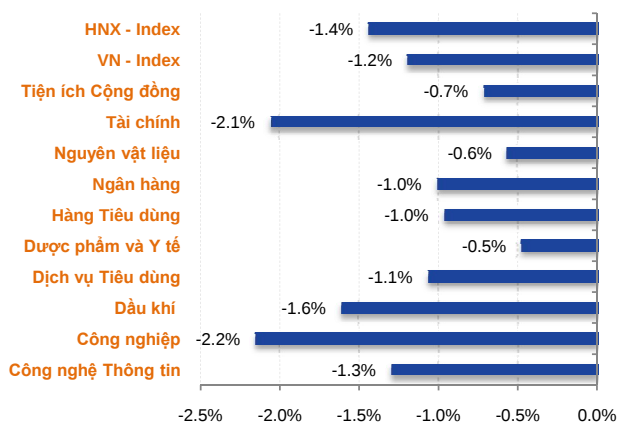
KLGD và VN-Index trong phiên



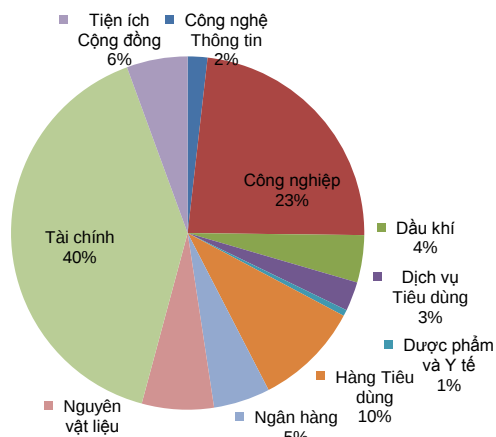
KLGD và HNX-Index trong phiên



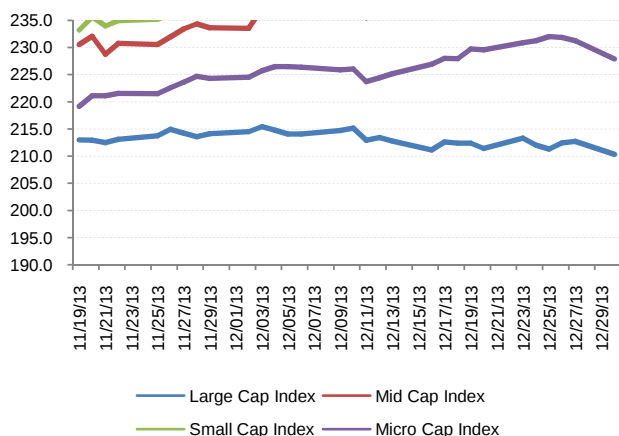
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



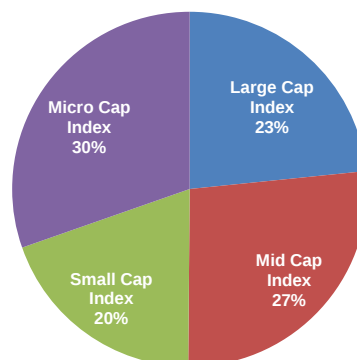
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CII	1,425,580	VIC	195,800
2	VSH	490,000	CTG	194,000
3	VCB	462,570	SSI	172,180
4	PVD	332,010	ITA	86,000
5	HPG	291,170	TYA	37,950

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TAG	652,580	PLC	110,000
2	PVS	255,635	VKC	49,800
3	VND	210,500	PVG	38,000
4	SMT	76,800	PFL	30,000
5	VIG	50,000	SHB	14,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	9.4	8.8	↓ -6.38%	9,589,440
ITA	6.6	6.4	↓ -3.03%	4,989,920
HQC	7.7	7.4	↓ -3.90%	4,144,000
VIC	70.0	69.0	↓ -1.43%	3,444,580
HAR	8.4	7.9	↓ -5.95%	2,763,670

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	3.0	2.9	↓ -2.73%	8,759,623
SHN	3.9	3.7	↓ -6.00%	7,085,300
SCR	7.8	7.6	↓ -2.51%	7,018,948
SHB	6.9	6.8	↓ -1.87%	3,405,133
KLS	8.9	8.8	↓ -1.67%	3,144,554

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTP	27.0	28.7	1.7	↑ 6.30%
VRC	4.8	5.1	0.3	↑ 6.25%
SSC	41.5	44.0	2.5	↑ 6.02%
STT	3.4	3.6	0.2	↑ 5.88%
LGC	12.1	12.8	0.7	↑ 5.79%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
BHT	6.2	6.8	0.6	↑ 9.68%
DAE	16.8	18.4	1.6	↑ 9.52%
SMT	13.0	14.2	1.2	↑ 9.34%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGF	20.0	18.6	-1.4	↓ -7.00%
CMX	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%
PVT	11.8	11.0	-0.8	↓ -6.78%
TYA	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%
HVX	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	99.0	89.1	-9.9	↓ -10.00%
VE8	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
CSC	10.2	9.2	-1.0	↓ -9.80%
L18	10.2	9.2	-1.0	↓ -9.80%
BST	12.3	11.1	-1.2	↓ -9.76%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	9,589,440	6.3%	990	8.9	0.5
ITA	4,989,920	0.2%	26	248.4	0.6
HQC	4,144,000	4.2%	452	16.4	0.7
VIC	3,444,580	47.1%	6,710	10.3	3.8
HAR	2,763,670	3.0%	306	25.9	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	8,759,623	-92.1%	(5,013)	-	0.7
SHN	7,085,300	-135.7%	(2,464)	-	4.4
SCR	7,018,948	-1.1%	(160)	-	0.5
SHB	3,405,133	17.1%	1,884	3.6	0.6
KLS	3,144,554	6.4%	810	10.6	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TTP	↑ 6.3%	6.3%	2,236	12.8	0.8
VRC	↑ 6.3%	-1.3%	(164)	-	0.4
SSC	↑ 6.0%	28.2%	5,417	8.1	2.1
STT	↑ 5.9%	-20.9%	(1,858)	-	0.4
LGC	↑ 5.8%	-5.9%	(978)	-	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
BHT	↑ 9.7%	-15.1%	(1,451)	-	0.7
DAE	↑ 9.5%	20.2%	3,396	5.4	1.0
SMT	↑ 9.3%	19.2%	2,401	6.0	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	1,425,580	4.3%	600	32.0	1.4
VSH	490,000	7.7%	963	15.2	1.1
VCB	462,570	9.8%	1,757	15.0	1.5
PVD	332,010	20.2%	6,605	9.2	1.7
HPG	291,170	18.6%	3,913	10.5	1.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TAG	652,580	2.3%	455	109.9	2.4
PVS	255,635	17.3%	2,872	6.9	1.2
VND	210,500	10.9%	1,305	7.7	0.8
SMT	76,800	19.2%	2,401	6.0	1.1
VIG	50,000	1.0%	62	48.2	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	126,018	40.9%	6,696	9.9	3.8
VNM	112,518	40.5%	8,053	16.8	6.7
VIC	62,702	47.1%	6,710	10.3	3.8
VCB	61,180	9.8%	1,757	15.0	1.5
MSN	60,630	2.7%	555	148.7	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,468	7.5%	1,027	15.3	1.1
PVS	8,845	17.3%	2,872	6.9	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,025	17.1%	1,884	3.6	0.6
OCH	5,480	5.9%	687	39.9	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.26	12.5%	1,402	6.2	0.7
PXM	4.17	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
VPH	3.02	4.3%	626	13.1	0.5
IJC	2.90	2.0%	212	41.4	0.8
DRH	2.79	-5.1%	(504)	-	0.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	8.12	-0.2%	(21)	-	0.3
NVC	5.01	442.9%	(8,371)	-	(0.3)
CVN	4.75	-43.4%	(4,323)	-	0.3
BKC	4.44	-30.3%	(3,745)	-	1.1
HHL	4.37	-262.3%	(3,431)	-	2.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)